

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2018

Tóm tắt:

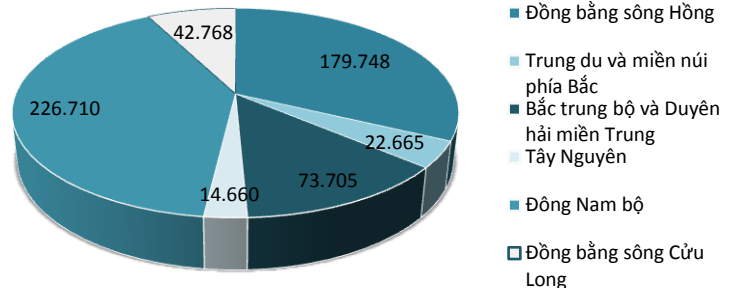
Hiện nay, doanh nghiệp là khu vực kinh tế đóng góp quan trọng nhất vào quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước rất quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp. Bài viết này nêu lên một số đặc điểm phát triển doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2016-2018.

1. Quy mô và mật độ doanh nghiệp đang hoạt động

Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước tại thời điểm 31/12/2018 là 714.755 doanh nghiệp, trong đó có 560.417 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh. Xét theo khu vực kinh tế, khu vực dịch vụ có số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh lớn nhất là 390.765 doanh nghiệp (chiếm 69,73%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là thấp nhất trong các khu vực kinh tế với 5.463 doanh nghiệp (chiếm 0,97%). TP.Hồ Chí Minh là địa phương có số doanh nghiệp lớn nhất cả nước với 171.250 doanh nghiệp (chiếm 30,56%). Đông Nam bộ có số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh cao nhất cả nước (chiếm 40,45%), gấp 15,46 lần vùng Tây Nguyên - vùng có số doanh nghiệp thấp nhất (Hình 1).

Hình 1: Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh phân theo vùng kinh tế

Đơn vị tính: Doanh nghiệp



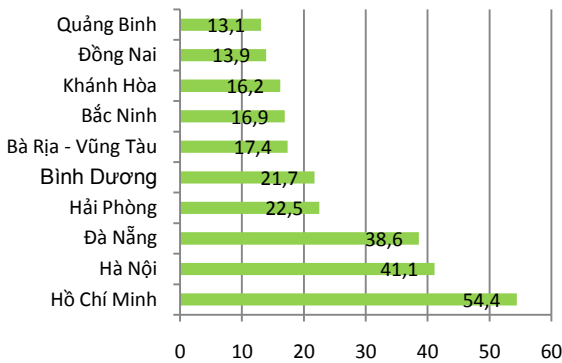
Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019

Trong năm 2018, cả nước có 131.275 doanh nghiệp thành lập mới, đạt kỷ lục cao nhất từ trước đến nay, tăng 3,5% so với năm 2017, trong đó chủ yếu là khu vực dịch vụ (chiếm 72,14%). Cũng trong năm 2018, cả nước có 34.100 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 28,6% so với năm 2017 và đạt mức cao nhất trong giai đoạn 5 năm 2014 - 2018, khu vực dịch vụ cũng là khu vực có số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động cao nhất (chiếm 67,37%).

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động có đăng ký trên phạm vi cả nước năm 2018 là 27.126 doanh nghiệp, tăng 25,1% so với năm 2017, TP. Hồ Chí Minh là địa phương có số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động cao nhất (chiếm 26,28%). Số doanh nghiệp ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể là 63.525 doanh nghiệp, trong đó có: 44.730 doanh nghiệp ngừng hoạt động không đăng ký và 18.795 doanh nghiệp chờ giải thể.

Hình 1: 10 địa phương có mật độ doanh nghiệp đang hoạt động cao nhất cả nước

Đơn vị tính: Doanh nghiệp/1000 dân



Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019

Mật độ doanh nghiệp đang hoạt động bình quân cả nước là 7,6 doanh nghiệp/1000 dân, có 8/63 địa phương có mật độ cao hơn bình quân cả nước. Tính theo dân số trong độ tuổi lao động, bình quân cả nước có 14,7 doanh nghiệp/1000 dân.

2. Lao động và thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh là 14,51 triệu người, tăng 3,6% so với cùng thời điểm năm 2016. Bình quân năm giai đoạn 2016-2017 các doanh nghiệp thu hút 14,26 triệu lao động, tăng 22,5% so với bình quân giai đoạn 2011-2015.

Khu vực công nghiệp và xây dựng mặc dù có số doanh nghiệp không nhiều nhất nhưng thu hút số lao động cao nhất với 9,3 triệu lao động (chiếm 64,4%), tăng 2,8% so với năm 2016; tiếp đến là khu vực dịch vụ với 4,9 triệu lao động (chiếm 33,8%); thấp nhất là khu vực

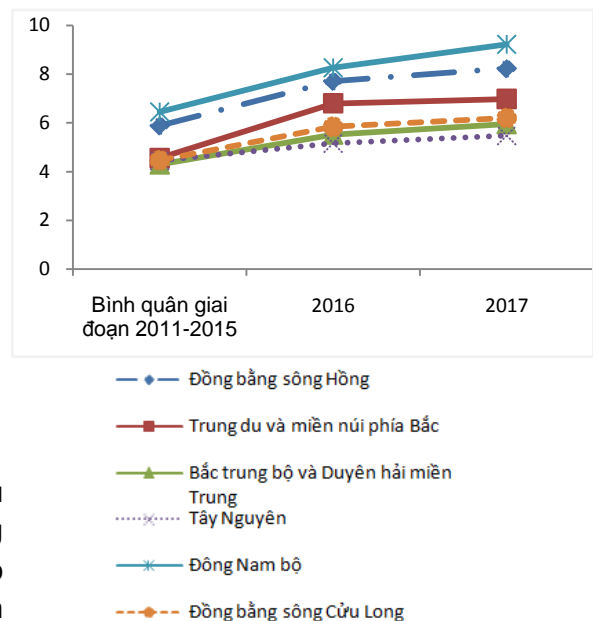
nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ thu hút được hơn 256,7 nghìn lao động, (chiếm 1,8%).

Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước thu hút nhiều lao động nhất với 8,69 triệu lao động, chiếm 60,9% tổng lao động toàn bộ khu vực doanh nghiệp, tăng 23,5% so với lao động bình quân giai đoạn 2011-2015; khu vực doanh nghiệp FDI thu hút 4,33 triệu lao động, chiếm 30,4%, tăng 39,4%; khu vực doanh nghiệp nhà nước thu hút 1,24 triệu lao động, chiếm 8,7%, giảm 17%.

Tỷ lệ lao động nữ trong doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 là 46,1%, Xét theo ngành kinh tế thì ngành giáo dục và đào tạo có tỷ lệ cao nhất là 61,2%, ngành khai khoáng là thấp nhất 17,3%. Xét theo địa phương, tỉnh Bắc Giang có tỷ lệ lao động nữ cao nhất là 65,4%, tỉnh Hà Giang có tỷ lệ thấp nhất là 21,9%.

Hình 3: Thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp phân theo vùng kinh tế

Đơn vị tính: Triệu đồng/tháng



Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019

➤ ➤ ➤ THÔNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

Hình 3 cho thấy thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp tăng liên tục qua các năm. Năm 2017, thu nhập của người lao động vùng Đông Nam bộ là cao nhất với 9,22 triệu đồng/tháng, tiếp đến là vùng Đồng bằng sông Hồng với 8,20 triệu đồng/tháng, thấp nhất là vùng Tây Nguyên với 5,48 triệu đồng/tháng.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Tổng nguồn vốn sử dụng cho SXKD của toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả SXKD tại 31/12/2017 là 33 triệu tỷ đồng, tăng 17,5% so với năm 2016.

- *Doanh thu*: Quy mô doanh nghiệp tăng nhanh về số lượng và vốn, tạo đà cho doanh nghiệp tăng nhanh về doanh thu. Năm 2017, tổng doanh thu thuần của toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh là 20,66 triệu tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2016, tăng cao hơn tốc độ tăng nguồn vốn của doanh nghiệp (tăng 17,5%). Khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ có doanh thu thuần cao nhất lần lượt là 10,46 triệu tỷ đồng (tăng 17,6%) và 10,1 triệu tỷ đồng (tăng 19,3%). Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt gần 113 nghìn tỷ đồng, chỉ chiếm 0,55% doanh thu thuần của toàn bộ khu vực doanh nghiệp, tăng 32,4% so với năm 2016.

Xét theo loại hình doanh nghiệp: Giai đoạn 2016-2017, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tạo ra doanh thu chiếm tỷ lệ chi phối trong toàn bộ khu vực doanh nghiệp, bình quân mỗi năm khu vực này tạo ra 10,8 triệu tỷ đồng (chiếm 56,4%), tăng 64,4% so với bình quân giai đoạn 2011-2015; tiếp đến là khu vực doanh nghiệp FDI tạo ra 5,3 triệu tỷ đồng, chiếm 27,8%, tăng 74,7 %; khu vực

doanh nghiệp nhà nước tạo ra xấp xỉ 3 triệu tỷ đồng, chiếm 15,7%, tăng 5% (trong đó khu vực doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tạo ra 1,92 triệu tỷ đồng, chiếm 10,1%, tăng 8,2%).

- *Lợi nhuận*: Tổng lợi nhuận trước thuế của khu vực doanh nghiệp năm 2017 đạt 876,7 nghìn tỷ đồng, tăng 23,1% so với năm 2016. Bình quân giai đoạn 2016-2017 mỗi năm doanh nghiệp tạo ra 794,3 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 73,4% so với bình quân giai đoạn 2011-2015. Xét theo loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp FDI tạo ra 384,1 nghìn tỷ đồng lợi nhuận (chiếm 43,8%), tăng 17,6% so với năm 2016; doanh nghiệp ngoài nhà nước tạo ra 291,6 nghìn tỷ đồng (chiếm 33,3%), tăng 55%; doanh nghiệp nhà nước tạo ra 200,9 nghìn tỷ đồng (chiếm 22,9%), tăng 1,8% (trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tạo ra 124,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,2%, tăng 10,1%).

Có 43/63 địa phương có lợi nhuận năm 2017 tăng so với năm 2016, trong đó có 30 địa phương tăng cao hơn mức tăng bình quân cả nước: Hưng Yên tăng 593,6%; Nam Định tăng 445,0%; Lào Cai tăng 329,4%... Có 14/63 địa phương có lợi nhuận giảm, như: Cao Bằng giảm 97,6%; Lai Châu giảm 95,7%; Tuyên Quang giảm 95,1%...

Có 27/63 địa phương có chỉ số tăng trưởng lợi nhuận trước thuế do doanh nghiệp tạo ra bình quân giai đoạn 2016-2017 so với bình quân giai đoạn 2011- 2015 trên 100%, đặc biệt là Hải Phòng tăng 1673%; Thái Nguyên tăng 521,7%... Ngược lại, Có 5/63 địa phương có lợi nhuận do doanh nghiệp tạo ra bình quân giai đoạn 2016-2017 so với giai đoạn 2011-2015 giảm, như: Gia Lai giảm 53,8%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 44,7%...

Bảng 1: Một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

	Hiệu suất sử dụng lao động (lần)	Chỉ số nợ (lần)	Chỉ số quay vòng vốn (lần)	Hiệu suất sinh lợi trên tài sản (ROA) (%)	Hiệu suất sinh lời trên doanh thu thuần (ROS) (%)
Chung	14,7	2,5	0,7	2,9	4,2
Chia theo loại hình doanh nghiệp					
Doanh nghiệp Nhà nước	18,0	4,1	0,3	2,2	6,4
Doanh nghiệp ngoài Nhà nước	15,5	2,3	0,7	1,8	2,5
Doanh nghiệp FDI	12,3	1,6	1,1	7,0	6,6
Chia theo khu vực					
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	7,0	0,7	0,4	1,6	4,4
Công nghiệp và Xây dựng	12,3	1,6	1,0	4,9	5,0
Dịch vụ	18,8	3,3	0,5	1,8	3,5

Nguồn: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019

Bảng 1 cho thấy hiệu suất sử dụng lao động bình quân toàn bộ khu vực doanh nghiệp năm 2017 đạt 14,7 lần, trong đó khu vực dịch vụ cao nhất với 18,8 lần, gấp 2,7 lần so với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Hiệu suất sinh lợi trên tài sản (ROA) và hiệu suất sinh lời trên doanh thu thuần (ROS) của doanh nghiệp FDI là cao nhất, gấp khoảng 3 lần doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Tóm lại, môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước ta đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam phát triển nhanh và đạt các kết quả tích cực. Để doanh nghiệp tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế đồng thời thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược (phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; xây dựng thể chế, cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực), Nhà nước cần tạo dựng chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Các doanh nghiệp cũng cần chủ động đổi mới, như:

- Chú trọng đổi mới quản trị doanh nghiệp; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đạo đức doanh nhân, cạnh tranh lành mạnh.

- Các doanh nghiệp cần chủ động xây dựng kế hoạch

hoạt động sản xuất kinh doanh theo khả năng và lĩnh vực hoạt động; cải tiến công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thay đổi tư duy kinh doanh ngắn hạn, manh mún nhỏ lẻ, từng bước xây dựng tầm nhìn, chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn.

- Bên cạnh việc đầu tư, nâng cấp và ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến, tạo dựng nền tảng phát triển mạnh các sản phẩm, dịch vụ hiện đại, hiệu quả.

BBT (tổng hợp từ Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2019).